

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Căn cứ vào các điều 149, 212; 213; 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 263/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961.

ĐKKHKT và trú tại: Số 23A C1 Tập thể Bệnh viện 198, tổ 28 phường Y, quận X, thành phố Hà Nội.

Ông Tưởng Nguyên T, sinh năm 1959.

ĐKKHKT và trú tại: Số 23A C1 Tập thể Bệnh viện 198, tổ 28 phường Y, quận X, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị T và ông Tưởng Nguyên T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện B, thành phố Hà Nội 13/07/1984. Hôn nhân của bà T và ông T là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách vợ chồng không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Xét mâu thuẫn của ông, bà đã căng thẳng, kéo dài, không thể hàn gắn được.

Nay bà T và ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của ông, bà là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2] **Về con chung:** bà T và ông T xác nhận có 02 con chung là Trương Thị Khánh T (nữ), sinh ngày 04/02/1985 và Trương Huyền T (nữ), sinh ngày 25/12/1988. Cả hai con chung của ông T và bà T đều đã trưởng thành việc ở với ai sẽ do các cháu tự quyết định. Xét thỏa thuận của ông, bà là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[3] **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): bà T và ông T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4] **Về nợ:** bà T và ông T đều xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] **Về lệ phí:** bà T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nên được ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trương Nguyên T .

- **Về con chung:** bà T và ông T xác nhận có 02 con chung là Trương Thị Khánh T (nữ), sinh ngày 04/02/1985 và Trương Huyền T (nữ), sinh ngày

25/12/1988. Cả hai con chung của ông T và bà T đều đã trưởng thành việc ở với ai sẽ do các cháu tự quyết định.

- ***Về tài sản chung*** (động sản và bất động sản): bà T và ông T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ***: bà T và ông T xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 3612 ngày 09/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cầu Giấy;
- Cơ quan Thi hành án quận Cầu Giấy;
- UBND thị trấn A , Q. X, HN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Hà